

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 8 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Liêm

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai S., sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V., sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai S. trình bày: Chị với anh V. tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, lối sống; nguyên nhân là do anh V. ham mê cờ bạc, rượu chè, vợ chồng hay cãi vã ảnh hưởng đến tâm lý của con. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung, tên là Nguyễn Thị Yến T., sinh ngày 04-3-2016. Khi ly hôn, chị S. có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. đến tuổi thành niên và yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (*hai triệu*) đồng. Nếu cháu T. có nguyện vọng ở với ba thì chị S. thống nhất theo nguyện vọng của con và chị S. không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và các phiên hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn V. trình bày:

Về hôn nhân: Anh V. khai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tại bản tự khai anh V. đồng ý ly hôn. Tuy nhiên quá trình hòa giải anh Nguyễn Văn V. không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh V. có 01 con chung là Nguyễn Thị Yến T., sinh ngày 04-3-2016. Khi ly hôn, anh V. có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. đến tuổi thành niên và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện không đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai S.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Mai S. và anh Nguyễn Văn V. ly hôn. Về nuôi con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Thị Yến T. cho anh V. nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị S. không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mai S. yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn V. có nơi cư trú tại thôn A, xã A, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Nguyễn Thị Mai S. có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai S. và anh Nguyễn Văn V. tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Chị S. cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng ham mê cờ bạc, rượu chè, vợ chồng không hòa thuận, hay cãi vã làm ảnh hưởng đến tâm lý của con. Tại đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, chị S. khai hiện nay đã chuyển về sống ở Quảng Trị, vợ chồng không còn sống chung. Anh V. cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nhưng anh V. không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng anh V. không tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh V. không có thiện chí mong muốn hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S. và anh V. thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị S. yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị S. và anh V. có 01 con chung là Nguyễn Thị Yên T., sinh ngày 04-3-2016. Nguyên vọng chị S. khi ly hôn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. đến tuổi thành niên, nếu cháu T. có nguyện vọng được ở với anh V. thì chị S. cũng thống nhất theo nguyện vọng của con. Xét thấy, cháu T. có nguyện vọng ở với anh V., hiện nay cháu T. đang sống với anh V. ổn định, phát triển tốt và anh V. cũng có nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, giao cháu T. cho anh V. trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh V. không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị S. và anh V. đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai S. là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khoá XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai S. và anh Nguyễn Văn V. ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Yên T., sinh ngày 04-3-2016 cho anh V. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai S. phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị S. đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010662 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị S. đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Long